TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẢO LỘC** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 23-4-2019
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẢO LỘC, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Huỳnh Nguyễn Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cầm Văn Nam

2. Bà Nguyễn Thị Kim Huế

- Thư ký phiên toà: Bà Đoàn Thị Anh Đào – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà **Trần Thị H**, sinh năm 1985. Cư trú: đường L, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. *Có mặt*.

2. *Bị đơn*: Ông **Trần Văn T,** sinh năm 1976. Cư trú: đường V, thôn T, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. *Vắng mặt*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử cũng như lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày: Bà và ông Trần Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn và được UBND xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 83 ngày 18/12/2007. Sau khi kết hôn, khoảng thời gian hơn 01 năm đầu cả hai chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2009 thì thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống, ông T thường uống rượu, đánh và xúc phạm danh dự nhân phẩm của bà nên cuộc sống vợ chồng luôn tranh cải, căng thẳng, không tôn

trọng lẫn nhau, tình trạng này kéo dài nhiều năm không khắc phục được. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân, mạnh ai nấy sống không quan tâm chăm sóc lẫn nhau và bà cũng không còn tình cảm với ông T nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông T.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên Trần Tuấn N, sinh ngày 28/9/2008 và Trần Tuấn H, sinh ngày 05/8/2011; hiện đang sống với bà. Ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung theo nguyện vọng của các cháu và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi thành niên.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà xác định không có.

Trong quá trình xét xử bị đơn ông Trần Văn T trình bày: Ông xác nhận việc đăng ký kết hôn như lời trình bày của bà H là đúng. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng những năm gần đây thì phát sinh mâu thuẫn vì bất đồng với nhau nhiều vấn đề trong cuộc sống, vợ chồng tranh cải bởi những mâu thuẫn bình thường chưa tới mức trầm trọng, gần đây ông có uống rượu và gây gỗ nên bà H đã trình báo công an địa phương. Hiện nay hai vợ chồng đang sống ly thân. Nay bà H yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý vì còn thương vợ và mong muốn đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung như bà H trình bày. Trường hợp Toà án giải quyết cho ly hôn thì ông đồng ý giao các con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi hai con 2.000.000 đồng/tháng cho tới khi thành niên.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông xác định không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình cho bà H được ly hôn với ông T vì mục đích hôn nhân không đạt; giao hai con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng; ông T cấp dưỡng 2.000.000đồng/tháng/hai con cho tới khi thành niên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát; Tòa án nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn ông Trần Văn T vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Về quan hệ tranh chấp: Bà Trần Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án cho ly hôn với ông T hiện cư trú tại xã L, thành phố B. Do vậy, xác định đây là tranh chấp ly hôn theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T là hợp pháp do hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, bà H xác định cuộc sống vợ chồng không thể hòa hợp, tình cảm không còn nên yêu cầu được ly hôn, ông T trình bày không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ. Tuy nhiên thực tế qua xác minh chính quyền địa phương thì cuộc sống vợ chồng của bà H và ông T đã phát sinh mâu thuẫn từ năm 2015, bà H đã có đơn trình báo công an địa phương về việc ông T đánh bà và hiện cả hai đã sống ly thân. Như vậy, với thực trạng hôn nhân như trên thể hiện mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng và kéo dài, hai bên không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mạnh ai nấy sống, có tiếp tục kéo dài quan hệ hôn nhân thì mục đích của hôn nhân cũng không đạt được. Nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

[4]. Ly hôn vợ chồng thỏa thuận bà H trực tiếp nuôi hai con chung tên Trần Tuấn N, sinh ngày 28/9/2008 và Trần Tuấn H, sinh ngày 05/8/2011; ông T đóng góp nuôi con với bà H số tiền là 1.000.000đồng/tháng/con cho đến khi các con chung thành niên. Xét sự thỏa thuận này phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà H, ông T đều xác định không có nên không đề cập.

[6]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở và phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[7]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56, 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

1. Về hôn nhân: Cho bà Trần Thị H ly hôn ông Trần Văn T.

2. Về nuôi con chung:

2.1 Giao hai con chung tên Trần Tuấn N, sinh ngày 28/9/2008 và Trần Tuấn H, sinh ngày 05/8/2011 cho bà Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2 Ông T đóng góp nuôi con với bà H số tiền là 1.000.000đồng/tháng/con (một triệu đồng một tháng một con) cho đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn và thay đổi nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Bà H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2016/0005220 ngày 20 tháng 2 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng; Bà H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Ông T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND TP. Bảo Lộc;
- Chi cục THADS TP. Bảo Lộc;
- UBND X. L, TP. B, tỉnh LĐ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)
Huỳnh Nguyễn Thanh Trúc